

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC
NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2020

Số: 442/TCTDĐT-HĐTTVC

V/v thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện
dự thi tuyển viên chức năm 2020

Kính gửi:

- Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;
- Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Đà Nẵng;
- Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-TCTDĐT ngày 16/01/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức thi tuyển viên chức năm 2020 của Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Đà Nẵng và Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Cần Thơ; Quyết định số 235/QĐ-TCTDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao về việc phê duyệt Kế hoạch bổ sung chỉ tiêu thi tuyển viên chức năm 2020 của Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Cần Thơ và Quyết định số 377/QĐ-TCTDĐT ngày 27/3/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao về việc thành lập Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2020 của Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Đà Nẵng và Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Cần Thơ, Hội đồng thi tuyển viên chức thông báo đến các đơn vị một số nội dung chuẩn bị tổ chức thi tuyển viên chức như sau:

1. Danh mục tài liệu ôn thi (Phụ lục 1);
2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi (Phụ lục 2);
3. Về thời gian, địa điểm tổ chức thi:

Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid – 19, thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 1 kỳ thi tuyển viên chức năm 2020 sẽ được thông báo cụ thể đến từng thí sinh.

4. Đề nghị các đơn vị có thí sinh tham dự thi tuyển viên chức triển khai các công việc sau:

4.1. Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn đến các thí sinh đã nộp phiếu đăng ký dự thi.



4.2. Thông báo danh mục tài liệu đến từng thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vào đơn vị mình đúng thời gian, địa điểm quy định.

Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2020 thông báo để đơn vị được biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để báo cáo);
- Hội đồng thi tuyển VC 2020;
- Ban Giám sát kỳ thi;
- Lưu: VT, TCCB, MT. 12.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



**Phó Tổng cục trưởng
Trần Đức Phần**



**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN VIÊN CHỨC
NĂM 2020**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

TÀI LIỆU ÔN TẬP THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Công văn số: 442/TCTDĐT-HĐTTVC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2020)

I. Môn Kiến thức chung

1. Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao đến năm 2020;

2. Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

3. Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018 của Văn phòng Quốc hội về Luật Thể dục thể thao;

4. Luật Viên chức năm 2010;

5. Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

6. Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao;

7. Văn bản hợp nhất số 03/HĐHN/-BNV ngày 21/5/2019 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

8. Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

9. Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

10. Luật số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

11. Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

12. Luật số 36/2018/QH11 ngày 20/11/2018 về phòng, chống tham nhũng;

13. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp về Luật phòng, chống tham nhũng;

14. Quyết định số 21/2018/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

15. Quyết định số 2148/QĐ-BVHTTDL ngày 20/6/2019 của Bộ VHTTDL về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

16. Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thí sinh đăng ký dự thi.



II. Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Đối với trình độ A1 tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam:

1. Kiến thức về ngữ pháp

- Cách sử dụng các tính từ thông dụng để mô tả
- Trạng từ chỉ mức độ thường xuyên (always, usually, often, sometimes, seldom, rarely, never)
- Cấu trúc đơn giản, ví dụ: be going to, there is/there are, V + to V, V + Ving, I'd like...
- So sánh hơn, so sánh nhất
- Cách sử dụng How much, how many
- Danh từ số ít, số nhiều; danh từ đếm được, không đếm được.
- Câu mệnh lệnh
- Các loại động từ khiếm khuyết: can, can't, could, couldn't...
- Cách sử dụng các thì thông dụng (hiện tại, quá khứ, tiếp diễn...)
- Cách sử dụng giới từ trong tiếng Anh (giới từ về thời gian, giới từ chỉ vị trí)
- Cách sử dụng đại từ trong tiếng Anh.

2. Diễn đạt bằng tiếng Anh

- Adjectives: common and demonstrative
- Adverbs of frequency
- Comparatives and superlatives
- Going to
- How much/how many and very common uncountable nouns
- I'd like
- Imperatives (+/-)
- Intensifiers - very basic
- Modals: can/can't/could/couldn't
- Past simple of "to be"
- Past Simple
- Possessive adjectives
- Possessive s
- Prepositions, common
- Prepositions of place
- Prepositions of time, including in/on/at
- Present continuous
- Present simple
- Pronouns: simple, personal
- Questions
- There is/are

To be, including question+ negatives

Verb + V-ing: like/hate/love/enjoy//start/ begin

3. Kiến thức từ vựng:

Từ vựng về đồ vật, động vật phổ biến, các hoạt động hàng ngày, về thời tiết, thời gian rảnh rỗi, về con người, gia đình, nhà trường, ...

ĐỐI VỚI TRÌNH ĐỘ A2 TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 2 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ VIỆT NAM

1. Pronouns:

- Personal (*subject, object*)
- Reflexive and emphatic: *myself, etc.*
- Impersonal: *it, there*
- Demonstrative: *this, that, these, those*
- Indefinite: *something, everybody, some, any, etc.*

2. Nouns:

- Singular and Plural (regular & irregular forms)
- Countable & uncountable nouns
- Compound nouns
- Quantifiers with *some/ any, many/ much, a little/ little/ few/ a few*
- Possessive cases with 's & s'
- Articles: *a/ an/ the*

3. Verbs:

3.1. Tenses

- + Present simple
- + Present continuous
- + Present perfect
- + Past simple
- + Past continuous
- + Past perfect
- + Future with *going to*
- + Future with *will*

3.2. Imperatives:

3.3. Questions: Yes/ No questions & Wh- questions

3.4. Passive voice (affirmative passive of: *present simple, past simple, future simple* only)

3.5. Conditional sentences: Type 1, 2, 3.

3.6. Relative clauses: defining *which/ who/ whom/ where* in relative clauses

3.7. Reported speech: Statements, questions: *say, ask, tell* (*direct speech of simple tenses* only)

3.8. Modal verbs:

- Can (*ability, request*)

- Could (*ability, possibility, polite request*)
- Would (*polite request*), will (*offer, promise, decision*)
- Shall (*suggestion, offer*)
- Should, shouldn't (*advice*)
- Have to, must (*obligation*), mustn't (*prohibition*)

3.9. Verb patterns:

- Gerunds after *verbs & prepositions* (common only)
- Verbs (*with & without to*) after verbs and adjectives (common only)

4. Connectors:

- *And, but, although*
- *When, while, until, before, after, as soon as*
- *Because, since, if*

5. Adjectives:

- Colors, size, shape, quality, nationality
- Cardinal and ordinal numbers
- Possessive adjectives: *my, your, etc.*
- Adjectives ending with *-ing/ -ed*
- Comparative, equality & superlative

6. Adverbs:

- Regular & irregular forms
- Manner (*quickly, carefully, etc.*)
- Frequency (*often, never, etc.*)
- Definite time (*already, just, yet, etc.*)
- Degree (*very, too*)
- Place (*here, there, etc.*)
- Sequence (*first, next, etc.*)
- Sentence adverbs: *too, either, etc.*
- Comparative & superlative forms (regular & irregular forms of: *well, badly, many, much*)

7. Prepositions:

- Location
- Time
- Instrument
- Prepositions followed: adjectives (*afraid of, interested in, ...*), verbs (*laugh at, ask for, etc.*)

8. Suggested topics: *everyday life, daily activities, leisure activities, big cities, traffic, environment, scientific achievements, etc.*

III. Môn Tin học:

1. Hiểu biết về CNTT cơ bản

- Hiểu thuật ngữ phần cứng máy tính. Phân biệt thiết bị trung tâm và thiết bị ngoại vi. Biết các thiết bị ngoại vi chính: Thiết bị lưu trữ, thiết bị xuất/nhập, thiết bị mạng và truyền thông. Biết các thiết bị ngoại vi được nối với thiết bị trung tâm qua các cổng.

- Biết các thành phần cơ bản của máy tính điện tử: Bộ xử lý trung tâm (CPU), bộ nhớ trong. Biết các đơn vị đo tốc độ của bộ xử lý trung tâm. Phân biệt bộ nhớ động (RAM) và bộ nhớ chỉ đọc (ROM). Biết các đơn vị đo dung lượng bộ nhớ trong như KB, MB, GB. Biết đơn vị đo tốc độ truy cập của bộ nhớ trong như Hz, MHz, GHz.

- Biết các loại phương tiện lưu trữ chính: Đĩa cứng trong, đĩa cứng ngoài, các loại đĩa quang (CD, DVD), thẻ nhớ, ổ nhớ di động. Biết các đơn vị đo dung lượng lưu trữ như bit, byte, KB, MB, GB, TB. Biết các đơn vị đo tốc độ quay của ổ cứng (rpm - rounds per minute) và đo tốc độ ghi/đọc của phương tiện lưu trữ (bps - bits per second). Biết khái niệm lưu trữ trên mạng, lưu trữ tệp tin trực tuyến.

- Biết một số thiết bị xuất thông dụng và cách nối chúng vào máy tính: Màn hình, màn hình cảm ứng, máy in, loa, tai nghe.

- Biết các cổng thông dụng: Cổng nối tiếp, cổng song song, cổng nối tiếp vạn năng (USB), cổng mạng.

- Phân biệt hai loại phần mềm chính: phần mềm hệ thống (Ví dụ: hệ điều hành) và phần mềm ứng dụng.

- Hiểu chức năng của hệ điều hành, biết tên của một số hệ điều hành thông dụng (ví dụ: Ubuntu, Linux, Windows, Mac OS).

- Biết chức năng của một số phần mềm ứng dụng thông dụng: Xử lý văn bản, bảng tính, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, trình chiếu, thư điện tử, trình duyệt web, biên tập ảnh và một số phần mềm khác.

- Biết khái niệm phần mềm nguồn mở, phân biệt được phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở. Biết tên và chức năng của một số phần mềm nguồn mở thông dụng xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu, thư điện tử, trình duyệt web, biên tập ảnh.

- Hiểu khái niệm mạng máy tính, vai trò của các mạng máy tính. Phân biệt mạng cục bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN), mạng Internet. Hiểu khái niệm và vai trò của máy khách/máy chủ.

- Hiểu khái niệm truyền dữ liệu trên mạng, tốc độ truyền và các số đo (ví dụ: bps, kbps, Mbps, Gbps).

- Hiểu khái niệm tải các nội dung từ mạng xuống (download) và tải các nội dung lên mạng (upload).
- Hiểu các dịch vụ Internet khác nhau dành cho người dùng: Thương mại điện tử (e-commerce), ngân hàng điện tử (e-banking), chính phủ điện tử (e-government).
- Biết khái niệm học tập trực tuyến (e-learning), hội nghị trực tuyến (teleconference), một số ưu điểm và nhược điểm của các phương thức này.
- Hiểu thuật ngữ thư điện tử (e-mail) và công dụng của nó. Biết khái niệm công thông tin điện tử, trang tin điện tử.
- Hiểu khái niệm và vai trò của tên người dùng (user name), mật khẩu (password) khi truy nhập mạng và Internet.
- Biết cách sử dụng mật khẩu tốt (không chia sẻ mật khẩu, thay đổi thường xuyên, chọn mật khẩu có độ dài thích hợp, xen lẫn giữa chữ cái và số).
- Biết khái niệm và tác dụng của tường lửa (firewall).
- Hiểu, phân biệt được các thuật ngữ phần mềm độc hại (malware) như virus, worms, trojan, spyware, adware. Biết cách thức mã độc xâm nhập, lây lan trong hệ thống máy tính.
- Hiểu các cách phòng, chống phần mềm độc hại và tầm quan trọng của việc cập nhật phần mềm an ninh mạng, phần mềm diệt virus thường xuyên.
- Phân biệt được phần mềm dùng chung (shareware), phần mềm miễn phí (freeware), phần mềm mã nguồn mở (open source software).
- Hiểu các khái niệm, thuật ngữ liên quan như dữ liệu, quản lý dữ liệu, bảo vệ dữ liệu.
- Nắm được một số Phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng.

2. Sử dụng máy tính cơ bản:

Làm việc với Hệ điều hành:

- Màn hình làm việc Biểu tượng và cửa sổ.
- Quản lý thư mục và tệp: xem thông tin, di chuyển đến nơi lưu giữ, tạo đường tắt đến nơi lưu giữ thư mục, tệp; tạo, đặt tên, đổi tên tệp và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tệp; chọn, sao chép, di chuyển tệp và thư mục; xóa, khôi phục tệp và thư mục; tìm kiếm tệp và thư mục.
- Sử dụng máy in.

3. Xử lý văn bản cơ bản:

- Biết một số phần mềm xử lý văn bản khác nhau như LibreOffice Writer, OpenOffice Writer, Microsoft Word.
- Mở, đóng phần mềm xử lý văn bản.
- Mở văn bản có sẵn, tạo văn bản mới, lưu, xóa văn bản.
- Biên tập nội dung văn bản.

- Xử lý lỗi hiển thị tiếng Việt.
- Định dạng văn bản (text).
- Định dạng đoạn văn.
- Kiểu dáng (style).
- Bảng.
- Hình minh họa (đối tượng đồ họa).
- Hộp văn bản.
- Tham chiếu (reference).
- Hoàn tất văn bản.
- In văn bản.

4. Sử dụng bảng tính cơ bản:

- Biết một số phần mềm bảng tính khác nhau như LibreOffice Calc, OpenOffice Calc, Microsoft Excel.

- Biết các thành phần chính tạo nên bảng tính: ô (cell), dòng (row), cột (column), vùng (range), trang tính (worksheet), bảng tính (spreadsheet).

- Thao tác đối với ô (ô tính): Nhập dữ liệu vào ô; Biên tập nội dung, sắp xếp thứ tự các ô; Sao chép, di chuyển nội dung của ô.

- Thao tác trên trang tính: Dòng và cột, Trang tính, Biểu thức số học, Hàm

- Định dạng một ô, một dãy ô: Kiểu số, ngày tháng, tiền tệ; Văn bản; Căn chỉnh, tạo hiệu ứng viền.

- Biểu đồ.

- Trình bày trang tính để in ra.

5. Sử dụng trình chiếu cơ bản:

- Biết một số phần mềm trình chiếu như LibreOffice Impress, OpenOffice Impress, Microsoft Powerpoint.

- Làm việc với bài thuyết trình.

- Làm việc với trang thuyết trình.

- Xây dựng nội dung bài thuyết trình: Tạo và định dạng văn bản; Danh sách; Bảng.

- Đưa biểu đồ, sơ đồ tổ chức vào trong trang thuyết trình.

- Đưa các đối tượng đồ họa vào trong trang thuyết trình.

- Chuẩn bị, trình chiếu và in bài thuyết trình.

6. Sử dụng Internet cơ bản:

- Các khái niệm/thuật ngữ thường gặp.

- Bảo mật khi làm việc với Internet.

- Sử dụng trình duyệt web: Thao tác duyệt web cơ bản; Thiết đặt (setting); Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác; Đánh dấu; Sử dụng Web.

- Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công.

- Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm).

- Sử dụng thư điện tử: Khái niệm và nguyên cơ khi sử dụng thư điện tử; Viết và gửi thư điện tử; Nhận và trả lời thư điện tử; Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử.



DANH SÁCH
THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ KỲ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2020
CỦA TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN THỂ THAO QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,
TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN THỂ THAO QUỐC GIA ĐÀ NẴNG
VÀ TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN THỂ THAO QUỐC GIA CẦN THƠ

(Ban hành kèm theo Công văn số: 442 /TCTDĐT-HĐTTVC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2020)

STT	TT theo vị trí tuyển dụng	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Đăng ký dự thi ngoại ngữ	
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ				Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
I Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia thành phố Hồ Chí Minh												
1	1	Nguyễn Văn	An	05/11/1993		Nam Định	Chuyên viên Tổ chức cán bộ, chế độ chính sách, Phòng Hành chính, Tổng hợp				Tiếng Anh	
2	2	Trần Hoàng	Anh	24/05/1986		TP HCM					Tiếng Anh	
3	3	Lê Quang	Cường	26/10/1984		Quảng Ngãi				x		Tiếng Anh
4	4	Cao Xuân	Nhon	26/03/1991		Đắk Lắk						Tiếng Anh
5	1	Nguyễn Lê	Khuynh	03/05/1995		Tiền Giang	Chuyên viên Hành chính, quản trị, bảo quản cơ sở vật chất, Phòng Hành chính, Tổng hợp				Tiếng Anh	
6	1	Phạm Thị Thanh	Loan		18/09/1989	Nam Định	Thủ quỹ, Phòng Hành chính, Tổng hợp				Tiếng Anh	
7	1	Đỗ Đình	Quý	21/11/1981		TP HCM	HLV kiểm tra đánh giá trình độ tập luyện, xây dựng bài tập cho VĐV, Phòng Khoa học và Y học thể thao				Tiếng Anh	
8	2	Nguyễn Hữu	Thành	23/04/1994		Tiền Giang						Tiếng Anh
9	3	Mai Duy	Thân	22/07/1993		Bình Thuận						Tiếng Anh
10	1	Phan Bảo	Châu	06/12/1980		Bình Dương	Huấn luyện viên, Phòng Quản lý huấn luyện và công tác chính trị				Tiếng Anh	
11	2	Phan Thị	Hạnh	28/01/1987		Quảng Bình						Tiếng Anh
12	3	Đặng Ngọc	Tiền	06/01/1992		Nghệ An						Tiếng Anh
13	1	Nguyễn Ngọc	Linh	19/06/1994		Bình Định	Chuyên viên Quản lý cơ sở vật chất, phục vụ chuyên môn, Ban Quản lý cơ sở II Mũi Né				Tiếng Anh	
14	2	Trần Đăng	Thai	16/11/1990		Thái Bình						Tiếng Anh

STT	TT theo vị trí tuyển dụng	Họ và tên thí sinh		Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Vị trí đăng ký tuyển dụng	Đội tượng ưu tiên	Miễn thi		Đăng ký dự thi ngoại ngữ
		Họ và đệm	Tên	Nam	Nữ				Tin học	Ngoại ngữ	
II Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Đà Nẵng											
15	1	Nguyễn Thị Mỹ	Khánh		02/09/1990	Quảng Nam	Kế toán viên, Phòng Hành chính, Tổng hợp	Con thương binh			Tiếng Anh
16	2	Nguyễn Thị Vân	Trà		19/09/1975	Quảng Ngãi					Tiếng Anh
17	3	Nguyễn Thị Ngọc	Yến		15/11/1978	Quảng Nam			x		Tiếng Anh
18	1	Nguyễn Thành	Long	15/07/1988		Hà Tĩnh	Chuyên viên TCCB, đào tạo, bồi dưỡng, Phòng Hành chính, Tổng hợp	Con thương binh			Tiếng Anh
19	2	Nguyễn Thị	Thanh		15/10/1990	Hà Tĩnh					Tiếng Anh
20	1	Nguyễn Thùy	Vân		11/12/1982	Quảng Bình	Chuyên viên CĐCS, tiền lương, BHXH				Tiếng Anh
21	1	Lê Thanh	Nin	01/08/1992		Thừa Thiên Huế	Chuyên viên tham mưu công tác huấn luyện, Phòng Quản lý huấn luyện và công tác chính trị				Tiếng Anh
22	2	Nguyễn Đình	Lĩnh	07/07/1991		Quảng Nam					Tiếng Anh
23	3	Lê Hồng	Công	05/10/1994		Đà Nẵng					Tiếng Anh
24	1	Hoàng Anh	Tuấn	22/05/1996		Thừa Thiên Huế	CV thực hiện tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng đối với VĐV, Phòng QLHL & CTCT				Tiếng Anh
25	1	Trần Thị Ngân	Thương		29/09/1996	Quảng Nam	CV nghiên cứu ứng dụng KH thể thao phục vụ huấn luyện VĐV, Phòng KH và YHTT				Tiếng Anh
26	1	Nguyễn Vĩnh	Trọng	17/09/1991		Quảng Nam	Y sỹ, Phòng KH và YHTT				Tiếng Anh
III Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Cần Thơ											
27	1	Đỗ Ngọc	Thuận		08/01/1990	Cần Thơ	Chuyên viên TCCB, chế độ chính sách, Phòng Hành chính, Tổng hợp				Tiếng Anh
28	1	Bùi Đăng	Khoa	01/04/1994		Cần Thơ	Cán sự hành chính, quản trị, Phòng Hành chính, Tổng hợp				Tiếng Anh
29	1	Hồ Thị Thái	Hòa		24/05/1992	Sóc Trăng	Huấn luyện viên, Phòng Quản lý huấn luyện và công tác chính trị				Tiếng Anh
30	2	Nguyễn Thị Chúc	Ly		22/02/1984	Sóc Trăng					Tiếng Anh
31	3	Trần Thị	Nga		20/02/1989	Bắc Giang					Tiếng Anh
32	4	Nguyễn Hoàng	Vũ	16/01/1988		Cần Thơ					Tiếng Anh
33	5	Dương Thị Bích	Tuyền		15/03/1987	Sóc Trăng					Tiếng Anh
34	1	Trần Thị Hải	Yến		07/02/1994	Sóc Trăng	CV y sinh, chăm sóc sức khỏe VĐV				Tiếng Anh
35	1	Đình Thái Chí	Thanh	01/10/1994		Vĩnh Long	Y sỹ, Phòng KH và YHTT	Hoàn thành NVQS			Tiếng Anh